

Số: /QĐ-CDYT

Sơn La, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai học kỳ II, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ SƠN LA

Căn cứ Quyết định số 3303/QĐ-BGDĐT ngày 06/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Sơn La;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CDYT ngày 24/01/2022 của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-CDYT ngày 21/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Sơn La về quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 587/HD-CDYT ngày 27/12/2024 của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên năm học 2024-2025; Hướng dẫn số 12/HD-CDYT ngày 13/01/2025 về bổ sung Hướng dẫn số 587/HD-CDYT ngày 27/12/2024 của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 29/7/2025 của Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai học kỳ II, năm học 2024 - 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên – Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai học kỳ II, năm học 2024-2025 gồm 29 sinh viên đạt mức học bổng loại Xuất Sắc; 02 sinh viên đạt mức học bổng loại Giỏi.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức cấp, thời gian cấp học bổng khuyến khích học tập được thực hiện theo Hướng dẫn số 587/HD-CDYT.

Điều 3. Trưởng Phòng: Công tác học sinh, sinh viên - Hợp tác Quốc tế; Tổ chức - Hành chính - Tài chính; các đơn vị có liên quan, giáo viên chủ nhiệm lớp và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (để b/c);
- Kho bạc NN khu vực X (để giám sát);
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Công khai Website;
- Lưu: VT, CTHSSV-HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Thuý Hà

DANH SÁCH
CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT VÀ NĂM THỨ HAI
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDYT ngày /8/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Sơn La)

1. Cao đẳng Điều dưỡng K15: 08 suất

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập		KQ rèn luyện		Mức HBKK	Ghi chú
						TBC HT	XL	Điểm	XL		
1	Bạc Thị Minh Thư	01/06/2006	Thái	CĐ Điều Dưỡng K15C	Bản Giôn – Mường Giôn – Quỳnh Nhai – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
2	Cà Thị Mỹ Uyên	11/05/2005	Thái	CĐ Điều Dưỡng K15E	Bản Hùn – Chiềng Cọ - Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
3	Tòng Thị Loan	11/12/2006	Thái	CĐ Điều Dưỡng K15C	Bản Púng Khương – Nậm Mẩn – Sông Mã – Sơn La	3.73	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
4	Lèo Thị Hường	14/12/2004	Thái	CĐ Điều Dưỡng K15B	Bản Co Phung – Hua La – Sơn La	3.6	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
5	Đào Thu Thủy	20/09/1996	Kinh	CĐ Điều Dưỡng K15D	Tổ 4 Phường Quyết Thắng- Sơn La	3.6	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
6	Quảng Thị Khánh	26/08/2006	Kháng	CĐ Điều Dưỡng K15C	Bản Nà Mạt – Mường Giôn – Quỳnh Nhai – Sơn La	3.6	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
7	Lù Mạnh Cường	08/03/2006	Thái	CĐ Điều Dưỡng K15A	Tổ 4 Phường Chiềng An – Sơn La	3.6	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	
8	Lò Thị Thảo Vân	17/06/2006	Mường	CĐ Điều Dưỡng K15A	Chiềng Xuân – Vân Hồ - Sơn La	3.4	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	

2. Cao đẳng Dược K13: 07 suất

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập		KQ rèn luyện		Mức HBKK	Ghi chú
						TBC HT	XL	Điểm	XL		
1	Lò Thị Thảo May	16/11/2006	Thái	CĐ Dược K13A	Bản Nà Nghịu II – Nà Nghịu – Sông Mã – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
2	Vì Thị Hà Linh	21/12/2004	Thái	CĐ Dược K13B	Bản Phiêng Pên – Mường Hung – Sông Mã – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
3	Cầm Thị Tiết	13/07/2005	Thái	CĐ Dược K13B	Bản Cù -Chiềng Cang – Sông Mã – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
4	Lao Dia Chông Tua Mua Thò	10/06/2005	Lào	CĐ Dược K13B	Bản Hoang Chọ - Viêng Khăm – Luông Pha Bang	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
5	Sồm Páo Vang A Ni	23/07/2005	Lào	CĐ Dược K13C	Bản Đon Xạ Ván –Huổi Xai – Bò Kẹo	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
6	Đặng Thị Hiền	28/12/2000	Thái	CĐ Dược K13D	Bản Trung Sơn – Song Pe – Bắc Yên – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
7	Lò Thị Kim Duyên	24/08/2006	Thái	CĐ Dược K13D	Bản Mé Mận – Chiềng Mai – Mai Sơn – Sơn La	4.0	Xuất sắc	94	Xuất sắc	Xuất sắc	

3. Cao đẳng Hộ sinh K11: 01 suất

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập		KQ rèn luyện		Mức HBKK	Ghi chú
						TBC HT	XL	Điểm	XL		
1	Lò Thị Thắm	21/04/2002	Thái	CĐ Hộ sinh K11	Bản Nô Sài – Sốp Cộp – Sốp Cộp – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	

4. Cao đẳng Điều dưỡng K14: 07 suất

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập		KQ rèn luyện		Mức HBKK	Ghi chú
						TBC HT	XL	Điểm	XL		
1	Hà Minh Thu	29/09/2005	Thái	CĐ Điều Dưỡng K14B	Vân Hồ - Sơn La	3.9	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
2	Trần Trường Duy	22/06/2003	Kinh	CĐ Điều Dưỡng K14A	Nà Nhieu – Sông Mã – Sơn La	3.8	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
3	Lèo Ngọc Mai	20/03/2004	Thái	CĐ Điều Dưỡng K14A	Ít Ong – Mường La – Sơn La	3.8	Xuất sắc	94	Xuất sắc	Xuất sắc	
4	Quàng Thị Kính	30/04/2002	Thái	CĐ Điều Dưỡng K14A	Mường Trai – Mường La – Sơn La	3.8	Xuất sắc	94	Xuất sắc	Xuất sắc	
5	Lường Thị Kim Quyên	29/06/2005	Thái	CĐ Điều Dưỡng K14A	Tô Múa – Vân Hồ – Sơn La	3.75	Xuất sắc	94	Xuất sắc	Xuất sắc	
6	Sự Li Lốt Ma La Văn	1/5/2005	Lào	CĐ Điều Dưỡng K14B	Hòa Phấn - Lào	3.75	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
7	Lò Thị Thư	24/03/2005	Thái	CĐ Điều Dưỡng K14D	Mường Sai – Sông Mã – Sơn La	3.7	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	

5. Cao đẳng Dược K12: 07 suất

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập		KQ rèn luyện		Mức HBKK	Ghi chú
						TBC HT	XL	Điểm	XL		
1	Lò Kim Duyên	28/02/1998	Thái	CĐ Dược K12A	Bản Lon Kéo – Chiềng Kheo – Mai Sơn – Sơn La	4.0	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	
2	Lò Văn Hoài	20/05/2005	Thái	CĐ Dược K12A	Bản Hua Tát – Mường Hung – Sông Mã – Sơn La	4.0	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	

3	Vừ Thị Ly	10/05/1999	Mông	CD Dục K12B	Bản Bom Phung – Sông Mã – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
4	Bạc Thị Hào	20/08/2004	Thái	CD Dục K12B	Bản Thôm – Thuận Châu – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
5	Cầm Thị Bình	28/08/2003	Thái	CD Dục K12C	Bản Nà Tiễn – Chìm Vàn – Bắc Yên – Sơn La	4.0	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	
6	Sì Bun Vông Mít Đa	13/05/2004	Lào	CD Dục K12C	Xiêng Khoảng - Lào	4.0	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	
7	Quàng Thị Hội	06/02/2002	Thái	CD Dục K12C	Bản Co Săn – Mường Lạn – Mường Ảng – Điện Biên	4.0	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	

6. Cao đẳng Hộ sinh K10: 01 suất

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Kết quả học tập		KQ rèn luyện		Mức HBKK	Ghi chú
						TBC HT	XL	Điểm	XL		
1	Lò Thị Kiều Vân	15/10/2002	Thái	CD Hộ Sinh K10	Bản Chiềng Pắc – Chiềng Pắc – Thuận Châu – Sơn La	3.9	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	